TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 296/2024/HC-PT
Ngày: 26/7/2024
V/v: "Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và Quyết định giải quyết khiếu nại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Tào**
Các Thẩm phán: ông **Vũ Thanh Liêm**
bà **Trần Thị Kim Liên**

- Thư ký phiên tòa: bà **Nguyễn Phương Mai**- Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà*:** bà **Bùi Ngô Ý Nhi** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý 297/2023/TLPT-HC ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc: *"Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và Quyết định giải quyết khiếu nại"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2023/HC-ST ngày 20/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1398/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 7 năm 2024; giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị D; Sinh năm 1932; địa chỉ 1: Số A, tổ A, đường B, V, phường N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; địa chỉ 2: Số B đường B, phường N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị D:

+ Ông Huỳnh Kim H; địa chỉ 1: Tổ A, V, phường N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; địa chỉ 2: Số B đường B, phường N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng.

+ Ông Ngô Đình S, sinh năm 1959; địa chỉ 1: V, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; địa chỉ 2: I T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

+ Ông Trần Quốc H1, sinh năm 1987; địa chỉ 1: 3408, A, A, phường C, quận B, thành phố Hà Nội; địa chỉ 2: Số C V, phường L, Đ, Hà Nội. Có mặt.

- Người bị kiện:

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại D1 - Phó Chủ tịch UBND thành phố N. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Khánh N - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường; ông Hoàng Trọng L - nhân viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tấn T - Chủ tịch. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Lăng Thị Minh H2 - Chuyên viên C, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Tấn S1, bà Cái Thị H3; cùng cư trú: Thôn P, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng.

+ Ủy ban nhân dân xã V, thành phố N;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Hải K - Công chức Địa chính, Nông Nghiệp, Xây dựng Ủy ban nhân dân xã V, thành phố N. Vắng.

+ Ủy ban nhân dân xã V, thành phố N; địa chỉ: D L, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn M - Chủ tịch. Vắng.

+ Công ty Cổ phần Đ2; địa chỉ: Tòa nhà V, khu đô thị V, xã V, thành phố N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Quốc A; địa chỉ: 2 B, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng người khởi kiện, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện trình bày:***

Bà Nguyễn Thị D đang quản lý sử dụng diện tích đất 1.371,4m² tọa lạc tại tổ A, V, V, N, Khánh Hòa. Nguồn gốc đất do cha, mẹ chồng của bà D là ông Phạm Văn D2 và bà Nguyễn Thị T1 để lại (theo "Tờ trình xin thừa khai" ngày 09 tháng 7 nhuần Khải Định năm thứ 4 (1919) và "Chứng thư kiến điền" do Ty

Đ địa Khánh Hòa cấp ngày 01/7/1963). Diện tích thửa đất thể hiện trong chứng thư kiến điền nói trên là 02 sào, 07 thước, 05 tấc được quy đổi theo phong tục tập quán là 1.375m².

Năm 2000, diện tích đất nói trên được chia thành 03 thửa gồm: thửa số 2 có diện tích 612m², thửa số 4 diện tích 382m² và số 6 diện tích 288m². UBND thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/12/2000 cho hộ gia đình bà D đối với thửa số 06. Phần diện tích còn lại (bao gồm cả diện tích mương nước tiếp giáp với đất của hộ ông Nguyễn Tấn S1 và bà Cái Thị H3) chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng gia đình bà D vẫn tiếp tục sử dụng. Năm 2007, các đồng thừa kế của cụ D2 và cụ T1 lập "Văn bản phân chia tài sản thừa kế" với nội dung nhường quyền thừa kế cho bà D toàn bộ thửa đất nói trên. Bà D gửi hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H19967 ngày 13/11/2007 đối với thửa đất số 292 (số thửa đã thay đổi) tờ bản đồ số 4 với diện tích đất là 857,1m². Bà D không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đủ và đúng 1.375m² nhưng trên thực tế bà D vẫn sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp. Năm 2014, bà Nguyễn Thị D có dựng hàng rào tole tiếp giáp với bức tường gạch, móng đá chẻ do Công ty Đ2 xây dựng từ năm 2006. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1899/QĐ-XPVPHC ngày 03/4/2015 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 848/QĐ-UBND ngày 03/3/2016 của Chủ tịch UBND thành phố N đã xác định bà D có hành vi chiếm 72,9m² đất mương nước do UBND xã V quản lý và lấn 77m² đất ở thuộc một phần thửa đất số 107, tờ bản đồ số 08 xã V (là đất do UBND thành phố N thu hồi của ông Nguyễn Tấn S1 và bà Cái Thị H3 và đã được UBND tỉnh Khánh Hòa giao cho Công ty Đ2) và xử phạt bà D 5.000.000 đồng về hành vi lấn đất ở, 3.000.000 đồng về hành vi chiếm đất phi nông nghiệp không phải là đất ở là không đúng vì phần đất được xác định là bà D có hành vi lấn, chiếm là đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà D (theo chứng thư kiến điền) và được bà D quản lý, sử dụng từ trước tới nay. Theo Quyết định số 2506/QĐ-UBND ngày 08/8/2014, diện tích đất 77m² UBND tỉnh Khánh Hòa giao bổ sung cho Công ty Đ2 là khu B trên sơ đồ, khu C trên sơ đồ là đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà D nhưng UBND thành phố N lại cho là Quyết định số 2506/QĐ- UBND có sự nhầm lẫn giữa khu B với khu C trong quá trình đánh máy để cho là bà D lấn đất của Công ty Đ2 là không đúng. Do đó, bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định sau:

- Quyết định số 1899/QĐ-UBND ngày 03/4/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N về "Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Nguyễn Thị D"

- Quyết định 2056/QĐ-UBND ngày 08/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa, về giao đất bổ sung cho Công ty Đ2 để sử dụng làm đất ở đối với phần đất có diện tích 77m².

- Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 18/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh vị trí, ranh giới khu đất tại Điều 1 Quyết định 2056/QĐ-UBND ngày 08/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 03/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Nguyễn Thị D.

- Quyết định số 4604/QĐ-CC ngày 28/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị D.

**** Quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch** Ủy ban nhân dân thành phố N **trình bày:***

Bà Nguyễn Thị D bị xử phạt về hành vi lấn 77m² đất đã được UBND tỉnh Khánh Hòa giao cho Công ty cổ phần Đ2 và chiếm 72,9m² (diện tích mương nước đã bị san lấp), cụ thể: Phần diện tích đất 77m² thuộc một phần thửa đất số 107, tờ bản đồ số 08 xã V (thửa đất đã được UBND thành phố N thu hồi của ông Nguyễn Tấn S1 và bà Cái Thị H3) được UBND tỉnh Khánh Hòa giao cho Công ty Cổ phần Đ2 theo Quyết định số 2056/QĐ-UBND ngày 08/8/2014; Phần diện tích 72,9m² là diện tích mương nước (đã bị san lấp theo hiện trạng) do UBND xã V quản lý.

Căn cứ biên bản vi phạm hành chính đối với bà D về hai hành vi lấn, chiếm đất và hồ sơ do UBND xã V chuyển đến, Chủ tịch UBND thành phố N ban hành Quyết định số 1899/QĐ-XPVPHC ngày 03/4/2015 xử phạt vi phạm hành chính đối với bà D về hai hành vi trên. Theo kết quả đo đạc hiện trạng sử dụng đất có sự chỉ dẫn của bà Phạm Thị L1 (người được bà D ủy quyền), diện tích đất thực tế gia đình bà D đang sử dụng là 945, 1m ^ 2 trong đó có 77m² đất đã được UBND tỉnh giao cho Công ty Cổ phần Đ2 theo Quyết định số 2056/QĐ-UBND ngày 08/8/2014 và 75,7m² đất thuộc vị trí mương nước (tăng 2.8m ^ 2 so với diện tích bị xử phạt).

Từ những căn cứ trên, Chủ tịch UBND thành phố N ban hành Quyết định số số 848/QĐ-UBND ngày 03/3/2016 bác đơn của bà Nguyễn Thị D về việc khiếu nại Quyết định số 1899/QĐ-XPVPHC ngày 03/4/2015 của Chủ tịch UBND thành phố N.

Đối với việc bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 4604/QĐ-CC ngày 28/7/2016 là không có căn cứ để chấp nhận.

**** Người bị kiện** Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa **và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:***

Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 2056/QĐ-UBND ngày 08/8/2014 giao đất bổ sung cho Công ty Đ2 để sử dụng làm đất ở đối với phần đất có diện tích 77m². Do sai sót trong quá trình soạn thảo văn bản, Quyết định số 2056/QĐ-UBND ngày 08/8/2014 xác định phần diện tích 77m² là khu B theo Trích đo địa chính số 246/2014/TĐ.BD do Văn phòng Đăng ký

quyền sử dụng đất tỉnh Khánh Hòa lập ngày 03/6/2014. Thực tế phần diện tích đất giao bổ sung nói trên là khu C trong Trích đo địa chính nên ngày 18/4/2018, UBND tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Quyết định số 1038/QĐ-UBND điều chỉnh vị trí ranh giới khu đất theo đúng thực tế giao đất. Việc giao đất của UBND tỉnh Khánh Hòa cho Công ty Đ2 là đúng với quy định của pháp luật.

Việc hủy Quyết định số 2056/QĐ-UBND ngày 08/8/2014 và Quyết định 1038/QĐ-UBND ngày 18/4/2018 của UBND tỉnh liên quan đến việc xác định nguồn gốc đối với phần diện tích 77m². Việc quản lý, sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân thuộc thẩm quyền của UBND thành phố N. Vì vậy, để có cơ sở xem xét kiến nghị của bà Nguyễn Thị D, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa lấy ý kiến xác minh nguồn gốc đất của UBND thành phố N.

**** Quá trình tham gia tố tụng, ông** Nguyễn Tấn S1 **và bà** Cái Thị H3 **trình bày:***

Trước đây, ông, bà sử dụng thửa đất gần với đất của bà Nguyễn Thị D. Thửa đất của ông, bà cách thửa đất của bà D bởi mương nước. Quá trình sử dụng đất, hai bên đều sử dụng theo hiện trạng, không có tranh chấp gì. Diện tích thửa đất của ông, bà theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp là 2.900m², diện tích đo đạc trên thực tế là 3.022m². Năm 2004, thửa đất do gia đình ông, bà sử dụng bị ảnh hưởng bởi dự án Khu dân cư V, ông, bà đã giao lại diện tích 2.900m² (theo Biên bản bàn giao mặt băng ngày 22/7/2004). Năm 2012, gia đình ông, bà bàn giao phần đất còn lại với diện tích 84m² cho dự án.

Quá trình tham gia tố tụng, Ủy ban nhân dân xã V trình bày: Bà Nguyễn Thị D là người sử dụng thửa đất tiếp giáp với mương nước (là ranh giới địa giới hành chính giữa hai xã V và V). Năm 2014, bà D có hành vi chiếm đất mương nước, UBND xã đã xử lý hành vi vi phạm của bà D. Phần mương nước thuộc phạm vi quản lý của UBND xã V thì UBND xã V không xử lý. Thửa đất số 81 tờ bản đồ số 02 theo Chứng thư kiến điền do T2 ty Điền địa cấp ngày 01/7/1963 cho ông Phạm Văn D2 và bà Nguyễn Thị T1 với diện tích 00 mẫu 02 sào 70 được quy đổi bằng 270m² tương ứng thửa đất số 04 tờ bản đồ số 4 xã V (được đo vẽ theo Nghị định 64/NĐ-CP hệ tọa độ HN 72), diện tích 302m²

***** UBND xã V ***trình bày:*** Năm 2014, khi phát hiện việc chiếm đất của bà D thì mương nước (là ranh giới địa giới hành chính giữa hai xã V và V đã bị san lấp), không thể xác định rõ được phần đất cụ thể của xã V bị bà D lấn chiếm nên UBND xã V đề nghị Phòng T xác định lại ranh giới địa giới hành chính để có cơ sở xử lý vụ việc. Sau khi có Trích đo địa chính do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất lập ngày 13/01/2015, UBND xã V đã lập biên bản vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm của bà D theo biên bản ngày 18/3/2015. Do việc xử lý vượt quá thẩm quyền của UBND xã nên UBND xã V đã chuyển hồ sơ lên UBND thành phố N để xử lý theo quy định.

**** Quá trình tham gia tố tụng*** Công ty Cổ phần Đ2 ***trình bày:*** Công ty Cổ phần Đ2 được giao diện tích 77m² theo Quyết định số 2056/QĐ-UBND ngày 08/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa nhưng đã bị bà D

dựng hàng rào lấn sang phần đất nói trên. Vì vậy, việc xử lý hành vi vi phạm đối với bà D của Chủ tịch UBND thành phố N là đúng pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2023/HC-ST ngày 20/6/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

Căn cứ Điều 3, Khoản 2, 3, Đ1 b khoản 5 Điều 10 các Điểm b, đ khoản 2 Điều 31 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ; Điều 6, Khoản 2 Điều 38, Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính; khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 359, Điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D hủy một phần các Quyết định:

- Quyết định xử phạt hành chính 1899/QĐ-XPVPHC ngày 03/4/2015 của Chủ tịch UBND thành phố N về nội dung: *"Lấn đất ở của Công ty cổ phần Đ2 tại một phần thửa đất số 107, tờ bản đồ số 08 xã V, với diện tích 77m² theo trích đo địa chính thửa đất số 79/2015 do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố N thẩm định ngày 13/01/2015"; hình thức xử phạt chính là phạt tiền với số tiền là 5.000.000 đồng và bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc bà D trả lại đất đã chiếm".*

- Quyết định giải quyết khiếu nại số 848/QĐ-UBND ngày 03/3/2016 của Chủ tịch UBND thành phố N về nội dung: *"Lấn đất ở của Công ty cổ phần Đ2 tại một phần thửa đất số 107, tờ bản đồ số 08 xã V, với diện tích 77m² theo trích đo địa chính thửa đất số 79/2015 do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố N thẩm định ngày 13/01/2015"; hình thức xử phạt chính là phạt tiền với số tiền là 5.000.000 đồng và bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc bà D trả lại đất đã chiếm".*

- Quyết định số 4604/QĐ-CC ngày 28/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị D về nội dung: *"Trả lại đất đã lấn và tháo dỡ di dời toàn bộ theo trích đo địa chính thửa đất số 79/2015 do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố N xác lập ngày 13/01/2015"*

2. Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị D về hủy Quyết định 2056/QĐ- UBND ngày 08/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về giao đất cho Công ty cổ phần Đ2; Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 18/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh vị trí, ranh giới khu đất tại Điều 1 Quyết định 2056/QĐ-UBND ngày 08/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/6/2023, bà Nguyễn Thị D có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về nội dung "*Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị D về hủy Quyết định 2056/QĐ- UBND ngày 08/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về giao đất cho Công ty cổ phần Đ2; Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 18/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh vị trí, ranh giới khu đất tại Điều 1 Quyết định 2056/QĐ-UBND ngày 08/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa*".

Tại phiên tòa Đại diên Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị D; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận; Xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị D; nhận thấy:

[1.1]. Về quá trình kê khai, quản lý sử dụng và cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình bà D:

- Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do các bên đương sự giao nộp (Sổ mục kê năm 2005 của UBND xã V, các Bản đồ địa chính xã V, xã V, các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố N cấp cho bà Nguyễn Thị D số 00639 QSDĐ/VH-NT ngày 29/12/2000 và số H 19967 ngày 13/11/2007), bà Nguyễn Thị D là người sử dụng hợp pháp các thửa đất số 02, 04 và số 06 tờ bản đồ số 4 (đo vẽ khi thực hiện Nghị định 64/NĐ-CP, hệ tọa độ HN 72) nay là thửa số 06 và số 292 tờ bản đồ số 4 xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

- Về diện tích đất kê khai của bà Nguyễn Thị D: Theo Sổ Mục kê xã V năm 2005 (trang 7, tờ bản đồ số 04) đất của hộ gia đình bà D gồm 03 thửa: Thửa số 02 có diện tích 612 m^2 loại đất hai lúa; thửa số 04 có diện tích 382 m^2 loại đất hai lúa và thửa số 06 có diện tích 288 m^2 loại đất hai lúa. Tổng diện tích 03 thửa đất của hộ gia đình bà D là 1.282 m^2.

- Ngày 29/12/2000, UBND thành phố N cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình bà D với diện tích 288m^2 loại đất trồng lúa, thuộc thửa đất số 6 tờ bản đồ số 04, thôn V, xã V, thành phố N.

- Ngày 13/11/2007, UBND thành phố N cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình bà D với diện tích 857,1 m^2 loại đất trồng lúa, thuộc thửa đất số 292 (số cũ là thửa số 02 và thửa số 04), tờ bản đồ số 04, thôn V, xã V, thành phố N.

- Theo sơ đồ địa chính thửa đất do Công ty TNHH Đ3 thiết lập khi Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa thẩm định ngày 13/12/2022 thì diện tích thực tế do bà D quản lý hiện nay là 1.331,7m^2.

Như vậy diện tích đất bà D hiện đang sử dụng đều tăng so với diện tích theo Sổ mục kê xã V (tăng 49,7m^2), so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (tăng 186,6m^2).

[1.2]. Về yêu cầu hủy Quyết định số 1899/QĐ-XPVPHC ngày 03/4/2015 của Chủ tịch UBND thành phố N về nội dung xử phạt vi phạm hành chính đối với bà D về hành vi chiếm mương nước do UBND xã V quản lý với diện tích 72,9m²; nhận thấy:

Nguồn gốc diện tích 72,9m² này (đo thực tế ngày 13/12/2022 là 83,5m²) là đất mương nước thuộc địa giới hành chính của xã V và xã V dùng để dẫn nước tưới tiêu cho các hộ gia đình, trong đó có hộ gia đình ông Nguyễn Tấn S1 và bà Nguyễn Thị D. Khi triển khai Dự án xây dựng Khu dân cư Vĩnh Điềm T3, hộ gia đình ông Nguyễn Tấn S1 đã giao toàn bộ diện tích đất nông nghiệp theo quyết định thu hồi đất và không sử dụng mương nước. Năm 2004 hộ gia đình bà Nguyễn Thị D đã san lấp mương nước để sử dụng, nên có cơ sở xác định bà D có hành vi chiếm đất mương nước là đất công thuộc địa giới hành chính của xã V. Do đó ngày 18/3/2015, UBND xã V lập Biên bản vi phạm hành chính số 0079/BB-VPHC đối với bà D về hành vi chiếm đất phi nông nghiệp có diện tích 72,9m² là có căn cứ. Trên cơ sở biên bản vi phạm này, ngày 03/4/2015, Chủ tịch UBND thành phố N ban hành Quyết định số 1899/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà D về hành vi chiếm mương nước do UBND xã V quản lý là đúng pháp luật. Do đó, án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện này của bà Nguyễn Thị D là có căn cứ.

[1.3]. Về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D hủy Quyết định 2056/QĐ-UBND ngày 08/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về giao đất cho Công ty cổ phần Đ2; Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 18/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh vị trí, ranh giới khu đất tại Điều 1 Quyết định 2056/QĐ-UBND ngày 08/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa; nhận thấy:

- Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa ngày 13/12/2022, kèm theo sơ đồ bản vẽ của Công ty TNHH Đ3, thì phần đất hiện trạng bà Nguyễn Thị D quản lý, sử dụng (hàng rào tole do bà D dựng năm 2014 hiện không còn chỉ còn 06 cọc bê tông giáp bức tường cao 83cm do Công ty V xây dựng) có 186,6m² đất nằm ngoài diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà D và là phần đất thuộc địa giới hành chính của xã V (trong đó có 77m² đất ở đã được UBND tỉnh Khánh Hòa giao cho Công ty Đ2 theo Quyết định số 2056/QĐ-UBND ngày 08/8/2014 đã được sửa đổi bởi Quyết định 1038/QĐ-UBND ngày 18/4/2018. Do vậy việc bà D khởi kiện cho rằng UBND tỉnh Khánh Hòa giao đất cho Công ty cổ phần Đ2 ảnh hưởng đến quyền lợi của bà để yêu cầu hủy Quyết định 2056/QĐ-UBND ngày

08/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về giao đất cho Công ty cổ phần Đ2; Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 18/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh vị trí, ranh giới khu đất tại Điều 1 Quyết định 2056/QĐ-UBND ngày 08/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa là không có căn cứ, nên án sơ thẩm bác yêu cầu này là có cơ sở.

Bà Nguyễn Thị D kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào mới có thể làm thay đổi nội dung vụ án, nên không có căn cứ để chấp nhận; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Nguyễn Thị D phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên bà D là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên bà D được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị D; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2023/HC-ST ngày 20/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

2. Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị D.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hoà;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tào